

CÔNG TY CỔ PHẦN
SON HÀ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

Số: 07/CV/2023/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp
nhất Quý IV/2022.

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV.2022 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2022 so với cùng kỳ.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/01/2023 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ THỊ THANH LAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		817,174,468,207	724,929,156,861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43,538,121,600	45,176,760,599
1. Tiền	111		43,538,121,600	45,176,760,599
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14,968,986,040	14,354,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	14,968,986,040	14,354,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		320,979,917,595	295,294,314,909
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	311,279,025,908	285,430,589,362
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4,959,602,926	9,177,659,676
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6,677,262,210	2,622,039,320
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1,940,913,450)	(1,940,913,450)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,940,001	4,940,001
IV. Hàng tồn kho	140		420,891,134,241	358,220,885,317
1. Hàng tồn kho	141	V.6	420,891,134,241	358,220,885,317
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,796,308,731	11,883,196,036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2,535,514,526	2,343,684,733
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14,260,794,205	9,529,299,479
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	10,211,824
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		220,018,428,881	217,303,174,461
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		545,046,684	545,046,684
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	545,046,684	545,046,684
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		161,214,041,944	142,657,213,227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	115,345,530,075	95,332,845,600
<i>Nguyên giá</i>	222		223,902,859,844	186,362,620,971
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(108,557,329,769)	(91,029,775,371)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	4,083,544,556	3,814,404,712
<i>Nguyên giá</i>	225		6,345,826,238	5,254,881,818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2,262,281,682)	(1,440,477,106)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	41,784,967,313	43,509,962,915
<i>Nguyên giá</i>	228		55,124,134,444	55,124,134,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13,339,167,131)	(11,614,171,529)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41,013,933,743	51,038,615,834
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	41,013,933,743	51,038,615,834
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10,000,000,000	10,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.16	10,000,000,000	10,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7,245,406,510	13,062,298,716
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	6,242,720,634	12,216,607,430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	1,002,685,876	845,691,286
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,037,192,897,088	942,232,331,322

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		635,761,755,436	541,942,514,526
I. Nợ ngắn hạn	310		633,935,127,570	540,148,574,782
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	101,791,445,328	44,794,821,664
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7,635,062,542	6,558,862,303
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2,158,774,668	896,361,972
4. Phải trả người lao động	314		11,772,205,964	10,809,777,646
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7,767,576,727	18,935,499,491
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	947,655,354	532,457,999
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	499,580,500,143	455,338,886,863
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2,281,906,844	2,281,906,844
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,826,627,866	1,793,939,744
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	228,419,000	300,919,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	1,598,208,866	1,493,020,744
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		401,431,141,652	400,289,816,796
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.a	401,431,141,652	400,289,816,796
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		334,466,750,000	334,466,750,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	334,466,750,000	334,466,750,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13,686,797,071	13,686,797,071
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53,527,594,581	52,386,269,725
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35,386,932,225	34,529,967,200
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18,140,662,355	17,856,302,525
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,037,192,897,088	942,232,331,322

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: VND)

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý này năm nay		Quý này năm trước		Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	295,481,054,673	292,763,696,799	1,176,316,407,669	982,759,374,807			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	19,307,461,826	19,594,353,395	74,617,558,061	55,137,744,099			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		276,173,592,847	273,169,343,404	1,101,698,849,608	927,621,630,708			
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	237,661,180,142	231,746,244,215	954,204,459,436	803,679,412,133			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38,512,412,705	41,423,099,189	147,494,390,171	123,942,218,575			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,077,789,472	1,353,718,082	7,777,834,022	6,555,815,801			
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10,239,268,606	7,138,300,349	33,073,907,864	26,469,842,522			
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10,019,260,662	6,801,965,531	32,590,182,987	25,797,232,593			
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	19,346,985,100	19,799,211,733	72,182,104,939	62,113,668,576			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7,693,931,970	5,366,213,128	29,896,347,621	23,565,865,849			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,310,016,501	10,473,092,061	20,119,863,769	18,348,657,429			
11. Thu nhập khác	31	VI.7	207,758,414	96,270,666	577,823,615	1,775,162,337			
12. Chi phí khác	32	VI.8	56,557,748	2,555,168	105,341,529	151,436,695			
13. Lợi nhuận khác	40		151,200,666	93,715,498	472,482,086	1,623,725,642			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,461,217,167	10,566,807,559	20,592,345,855	19,972,383,071			
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		427,617,992	1,109,019,082	2,608,678,090	2,417,016,614			
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		20,820,986	71,348,626	(156,994,590)	(300,936,068)			



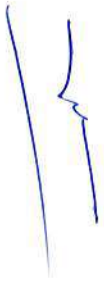
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.012.778,189	9.386.439,851	18.140.662,355	17.856.302,525
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	4.012.778,189	9.386.439,851	18.140.662,355	17.856.302,525
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	120	281	542	560
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	120	281	542	560

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Giám Đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20,592,345,855	19,972,383,071
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	20,081,930,334	17,563,084,183
- Các khoản dự phòng	03	-	(207,213,028)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10,533,647,602)	(217,114,168)
- Chi phí lãi vay	06	32,580,699,823	25,797,232,593
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	62,721,328,410	62,908,372,651
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(42,614,137,086)	113,288,180,845
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(62,670,248,923)	(85,895,932,760)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	45,077,448,558	(115,417,525,090)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	5,782,057,003	(3,961,433,482)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(32,220,870,620)	(25,932,052,037)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,871,364,042)	(3,125,340,028)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25,795,786,700)	(58,135,729,901)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25,261,034,273)	(40,351,735,877)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1,363,636,364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(158,764,274)	(42,354,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	18,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,051,317,735	131,951,234
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14,004,844,448)	(64,573,784,643)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	từ đầu năm đến cuối ể từ đầu năm đến cuối k	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(3,000,000,000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1,278,918,384,539	1,161,203,402,847
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,230,623,059,485)	(1,114,618,544,277)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35 V.18	(840,297,096)	(840,297,096)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6,293,035,809)	(273,490,909)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>38,161,992,149</i>	<i>45,471,070,565</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>(1,638,638,999)</i>	<i>(77,238,443,979)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60 V.1</i>	<i>45,176,760,599</i>	<i>122,415,204,578</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70 V.1</i>	<i>43,538,121,600</i>	<i>45,176,760,599</i>

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

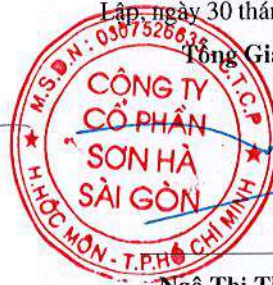
Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình
Mã số CN: 0307526635-002

- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003

- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005

- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008

- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
Mã số chi nhánh: 0307526635-009

- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
Mã số chi nhánh: 0307526635-0010

- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011

- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012

- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007

- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013

- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014

- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015

- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016

Địa chỉ

Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

Số 31, Tổ 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T.Lâm Đồng, Việt Nam.

Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Thôn Nghĩa Hòa, Xã Đắk Nĩa, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Lô 2.10G, đường số 09, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ, Việt Nam

Số 1559 Quốc Lộ 55, KP Long An, TT. Long Điền, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Số 052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Lô 02 - B4, KĐT Phước Long, Phường Phước Long, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đẳng A, Xã Cuor Đẳng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

DT.741, ấp 1, xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- | | |
|---|--|
| - Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017 | Số 9-11, Lô A10, GDCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai |
| - Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018 | Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam |
| - Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020 | 18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk. |
| - Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019 | Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk. |
| - Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021 | Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước. |
| - Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023 | 93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. |
| - Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025 | Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh. |
| - Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024 | Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp |
| - Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026 | Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau |
| - Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028 | Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN. |
| - Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029 | Ấp Chợ, Xã Phụng Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. |
| - Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027 | Quốc lộ 1A, Ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu |
| - Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030 | Ấp Đồng Tâm. Xã Long Trạch, huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam. |
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có 303 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 292 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

14. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuê tài chính của Công ty.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Mục đích

- Quỹ đầu tư phát triển: Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đã được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

22. Chi phí tài chính:

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9,019,155,402	6,051,009,065
Tiền gửi ngân hàng	34,518,966,198	39,125,751,534
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		
Cộng	<u>43,538,121,600</u>	<u>45,176,760,599</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng NH Techcombank				
Cộng				

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai		
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	893,102,090	9,557,660,732
- Công Ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	39,959,864,947	36,377,255,067

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thép Hải Phát	34,904,026,016	42,108,835,196
- Công Ty TNHH Sản Xuất - TM - DV Kỹ Thuật Đại Phú Thịnh	23,576,845,477	20,488,066,331
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
- Bình Dương – ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216	888,395,216
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	2,110,760,878	2,066,271,224
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	29,416,423,490	38,263,451,570
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà		617,175,249
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	64,730,436,926	40,192,080,347
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,283,675,897	2,712,402,125
Cty TNHH TMDV và PT Hưng Thịnh	8,465,780,344	38,217,487,068
- Các Khách hàng khác	103,227,003,094	53,118,797,704
Cộng	311,279,025,908	285,430,589,362

Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà		617,175,249
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	893,102,090	9,557,660,732
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,283,675,897	2,712,402,125
Cộng	3,176,777,987	12,887,238,106

4. Các khoản phải thu khác

Ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu người lao động	5,568,376,666	1,667,918,466
- Ký cược, ký quỹ	159,439,316	151,439,316
- Bảo hiểm xã hội	150,540,284	
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	798,905,944	802,681,538
Cộng	6,677,262,210	2,622,039,320

Dài hạn

- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	545,046,684	545,046,684
Cộng	545,046,684	545,046,684

Tổng Cộng

	7,222,308,894	3,167,086,004
--	----------------------	----------------------

5. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nợ gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Nợ gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533		822,711,533	
Bình Dương – ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216		888,395,216	
An Giang - Nguyễn Hồ Vũ	15,226,400		15,226,400	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TCN - Nguyễn Thanh Nhã	14,580,301	14,580,301
Nguyễn Thị Chương	<u>200,000,000</u>	<u>200,000,000</u>
Cộng	<u>1,940,913,450</u>	<u>1,940,913,450</u>
6. Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	68,499,102,799	3,194,322,971
Nguyên liệu, vật liệu	116,387,923,677	141,651,363,097
Công cụ, dụng cụ	76,892,600	91,978,510
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7,459,793,910	6,399,420,718
Thành phẩm	76,009,701,957	59,600,074,578
Hàng hóa	152,457,719,298	147,283,725,443
Cộng	<u>420,891,134,241</u>	<u>358,220,885,317</u>
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa		
Cộng		
8. Chi phí trả trước		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước về thuê kho	833,333,340	1,042,783,341
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	232,831,802	309,132,013
- Chi phí bảo hiểm	619,308,300	
- Các khoản khác	850,041,084	991,769,379
Cộng	<u>2,535,514,526</u>	<u>2,343,684,733</u>
Dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ	2,437,111,370	3,691,674,192
- Chi phí sửa chữa	1,296,097,876	2,382,964,357
- Chi phí mua bảo hiểm		738,288
- Chi phí thuê đất	1,255,835,360	2,762,837,792
- Chi phí quảng cáo		
- Các khoản khác	1,167,161,899	3,378,392,801
Cộng	<u>6,242,720,634</u>	<u>12,216,607,430</u>
Tổng cộng	<u>8,778,235,160</u>	<u>14,560,292,163</u>
9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	79,648,814,077	43,178,563,859	51,073,599,735	12,461,643,300		186,362,620,971
Tăng trong năm	34,464,998,000	4,402,220,737		36,656,500		38,903,875,237
- Mua sắm mới		1,363,636,364		36,656,500		1,400,292,864
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34,464,998,000	3,038,584,373				37,503,582,373
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang						
Giảm trong năm		1,363,636,364				1,363,636,364
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		1,363,636,364				1,363,636,364
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	114,113,812,077	46,217,148,232	51,073,599,735	12,498,299,800		223,902,859,844
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	23,006,003,896	29,703,917,831	31,487,599,487	6,832,254,157		91,029,775,371
Tăng trong năm	8,104,548,816	3,168,961,906	4,621,967,751	1,632,075,925		17,527,554,398
- Khấu hao trong năm	8,104,548,816	3,168,961,906	4,621,967,751	1,632,075,925		17,527,554,398
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
Giảm trong năm						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	31,110,552,712	32,872,879,737	36,109,567,238	8,464,330,082		108,557,329,769
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	56,642,810,181	13,474,646,028	19,586,000,248	5,629,389,143		95,332,845,600
Số cuối kỳ	83,003,259,365	13,344,268,495	14,964,032,497	4,033,969,718		115,345,530,075

10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3,520,000,000	1,734,881,818			5,254,881,818

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng trong năm	1,090,944,420			1,090,944,420
- Thuê tài chính trong năm	1,090,944,420			1,090,944,420
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				
Số cuối kỳ	<u>4,610,944,420</u>	<u>1,734,881,818</u>		<u>6,345,826,238</u>

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1,215,238,098	225,239,008		1,440,477,106
Tăng trong năm	648,316,400	173,488,176		821,804,576
- Khấu hao trong năm	648,316,400	173,488,176		821,804,576
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				
Số cuối kỳ	<u>1,863,554,498</u>	<u>398,727,184</u>		<u>2,262,281,682</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	2,304,761,902	1,509,642,810		3,814,404,712
Số cuối kỳ	<u>2,747,389,922</u>	<u>1,336,154,634</u>		<u>4,083,544,556</u>

11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	54,061,075,444			1,063,059,000		55,124,134,444
Tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Nhà nước cấp						
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Hoàn trả cho Nhà nước						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số cuối kỳ	<u>54,061,075,444</u>	<u>1,063,059,000</u>	<u>55,124,134,444</u>
------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	10,812,088,168	802,083,361	11,614,171,529
Tăng trong năm	1,616,330,202	108,665,400	1,724,995,602
- Khấu hao trong năm	1,616,330,202	108,665,400	1,724,995,602
- Tăng khác (ghi cụ thể)			
Giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác (ghi cụ thể)			

Số cuối kỳ	<u>12,428,418,370</u>	<u>910,748,761</u>	<u>13,339,167,131</u>
------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

Giá trị còn lại

Số đầu năm	43,248,987,276	260,975,639	43,509,962,915
Số cuối kỳ	<u>41,632,657,074</u>	<u>152,310,239</u>	<u>41,784,967,313</u>

12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,072,093,700				31,072,093,700
- XDCB dở dang	19,966,522,134	27,044,770,550	37,069,452,641		9,941,840,043
	<u>51,038,615,834</u>	<u>27,044,770,550</u>	<u>37,069,452,641</u>		<u>41,013,933,743</u>

13 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	2,157,397,727	4,306,093,593
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		428,726,228
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1,750,451,937	709,006,320
- Công Ty TNHH Hoá Dầu Long Sơn	601,800,000	
- Cty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	7,124,498,144	12,254,693,421
- Công ty TNHH MTV Thiết Bị Nhà bếp Sơn Hà		1,897,382,607
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	67,009,472,348	19,704,511,412
- Các đối tượng khác	23,147,825,172	5,494,408,083
Cộng	<u>101,791,445,328</u>	<u>44,794,821,664</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan

Số cuối kỳ	Số đầu năm
------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		428,726,228
Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1,750,451,937	709,006,320
Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	7,124,498,144	12,254,693,421
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	67,009,472,348	19,704,511,412
Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà (SHK)		1,897,382,607
Cộng	75,884,422,429	34,994,319,988

14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	401,356,240	4,571,856,177	4,168,102,212	805,110,205
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		155,241,205	155,241,205	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	472,619,633	2,738,709,756	1,911,364,042	1,299,965,347
Thuế thu nhập cá nhân	22,386,099	270,702,685	239,389,668	53,699,116
Cộng	896,361,972	7,736,509,823	6,474,097,127	2,158,774,668

15 Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trích trước hàng khuyến mãi	5,078,361,053	14,153,734,682
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	2,015,729,971	4,429,338,719
- Chi phí lãi vay phải trả	673,485,703	352,426,090
Cộng	7,767,576,727	18,935,499,491

16 Các khoản phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	189,945,474	120,250,848
Tài sản thừa chờ giải quyết	215,740,481	25,312,603
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	480,688,935	
Phải trả cổ tức, phải nộp khác	61,280,464	386,894,548
Cộng	947,655,354	532,457,999
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	228,419,000	300,919,000
Cộng	228,419,000	300,919,000
Tổng Cộng	1,176,074,354	833,376,999

17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2,281,906,844					2,281,906,844
Cộng	2,281,906,844					2,281,906,844

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

18. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	499,580,500,143	119,492,090,833	1,278,493,722,572	1,234,252,109,292	455,338,886,863	455,338,886,863
Vay ngắn hạn	498,740,203,047	119,492,090,833	1,276,325,129,703	1,228,424,908,423	450,839,981,767	450,839,981,767
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn	174,023,381,804	-	340,067,132,150	306,183,461,284	140,139,710,938	140,139,710,938
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn	135,365,049,665	-	262,236,614,070	221,547,090,088	94,675,525,683	94,675,525,683
- Ngân hàng TCMIP Ngoại thương Việt Nam - Chi nh	69,859,680,745	-	318,272,702,579	345,895,797,705	97,482,775,871	97,482,775,871
Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	119,492,090,833	119,492,090,833	355,748,680,904	354,798,559,346	118,541,969,275	118,541,969,275
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	-	-	1,724,840,000	5,383,448,000	3,658,608,000	3,658,608,000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD I	-	-	-	208,888,000	208,888,000	208,888,000
+ Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	-	-	1,724,840,000	5,174,560,000	3,449,720,000	3,449,720,000
Nợ thuê tài chính	840,297,096	-	443,752,869	443,752,869	840,297,096	840,297,096
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (th dưới 1 năm)Hà Nội	560,828,628	-	210,074,274	210,074,274	560,828,628	560,828,628
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (th dưới 1 năm) TP HCM	279,468,468	-	233,678,595	233,678,595	279,468,468	279,468,468
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1,598,208,866	1,598,208,866	-	985,756,298	1,493,020,744	1,493,020,744
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	-	-	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nh	-	-	-	-	-	-
+ Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	-	-	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính (7)	1,598,208,866	1,598,208,866	-	985,756,298	1,493,020,744	1,493,020,744
Công ty Thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	257,125,289	257,125,289	-	514,092,909	771,218,198	771,218,198
Công ty Thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM	395,598,413	395,598,413	-	326,204,133	721,802,546	721,802,546
+ Công ty Thuê Tài chính - Ngân hàng Vietin Chu	945,485,164	945,485,164	1,090,944,420	145,459,256	-	-
Lãi	501,178,709,009	121,090,299,699	1,278,493,722,572	1,235,237,865,590	342,178,745,493	456,831,907,607

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19 Vốn chủ sở hữu

19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	318,539,760,000	12,175,510,997	(250,000,000)	52,496,124,286	382,961,395,283
Lãi trong năm trước				17,856,302,525	17,856,302,525
Tăng vốn trong kỳ				(17,966,157,086)	(527,881,012)
Trích các quỹ trong năm		1,511,286,074		(1,511,286,074)	
Chia cổ tức bằng Cổ Phiếu	15,926,990,000			(15,926,990,000)	
+ Trích lập quỹ khen				(251,881,012)	(251,881,012)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS				(276,000,000)	(276,000,000)
Số dư cuối năm trước	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	52,386,269,725	400,289,816,796
Số đầu năm Nay	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	52,386,269,725	400,289,816,796
Tăng vốn trong kỳ				18,140,662,355	18,140,662,355
Lãi trong kỳ				(16,999,337,500)	(16,999,337,500)
Phân phối lợi nhuận trong kỳ					
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển					
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					
+ Chia cổ tức				(16,723,337,500)	(16,723,337,500)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Quỹ dự phòng tài chính					
Chia cổ tức phát hành Cổ Phiếu					
Số dư cuối kỳ	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	53,527,594,580	401,431,141,651

19.b Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33,446,675	33,446,675
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu phổ thông	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu phổ thông	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu ưu đãi		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu)	10,000	10,000
-----------------------------------	--------	--------

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu	295,481,054,673	292,763,696,799
- Doanh thu bán hàng hóa	123,090,615,402	155,922,416,950
- Doanh thu bán thành phẩm	172,322,257,453	136,841,279,849
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	68,181,818	
Các khoản giảm trừ doanh thu:	19,307,461,826	19,594,353,395
- Chiết khấu thương mại	18,283,413,058	16,850,852,883
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	1,024,048,768	2,743,500,512
Doanh thu thuần	276,173,592,847	273,169,343,404

2 Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	97,582,631,092	124,443,947,935
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	140,078,549,050	107,302,296,280
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Cộng	237,661,180,142	231,746,244,215

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	641,941,177	114,280,126
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,207,735	151,556
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,433,640,560	1,239,286,400
Cộng	3,077,789,472	1,353,718,082

4 Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	10,019,260,662	6,801,965,531
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	153,216,051	
Chi phí tài chính khác	66,791,893	336,334,818
Cộng	10,239,268,606	7,138,300,349

5 Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	10,439,195,915	10,897,557,700
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	791,057,082	806,281,405
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,655,740,150	2,386,821,578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,854,439,850	3,022,899,292

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bằng tiền khác	2,606,552,103	2,685,651,758
Cộng	19,346,985,100	19,799,211,733
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2,532,002,523	1,857,705,319
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77,157,710	30,251,552
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,977,144,010	1,873,906,147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,332,918,143	1,236,826,000
Chi phí bằng tiền khác	774,709,584	367,524,110
Cộng	7,693,931,970	5,366,213,128
7 Thu nhập khác		
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập Bán thanh lý tài sản		
Thu nhập khác	207,758,414	96,270,666
Cộng	207,758,414	96,270,666
8 Chi phí khác		
	Năm nay	Kỳ trước
Chi phí thanh lý tài sản		
Chi phí khác	56,557,748	2,555,168
Cộng	56,557,748	2,555,168
9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		

VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
- Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
- Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng		
Ban điều hành		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu		
Thu nhập Ban Tổng Giám Đốc		
	Kỳ này	Kỳ trước
1. TGD: Bà Ngô Thị Thanh Lan	105,195,000	105,195,000
2. PTGD: Ông Hoàng Tuấn Thanh	96,000,000	96,000,000
Cộng	201,195,000	201,195,000

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	156,838,534,141	140,962,520,246
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	150,303,000	356,592,500
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	67,003,490,057	70,774,242,815
- Chiết khấu thanh toán	2,433,640,560	1,243,286,400
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà		
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	1,082,772,594	2,543,722,805
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	2,764,440,705	1,811,109,062

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh

Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Thanh Lan